TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 101/2023/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 07 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 413/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị Xuân T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ …, khu phố T, phường .., thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Q1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ …, khu phố T, phường .., thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Cao Thị Xuân T, sinh năm 1979 và anh Nguyễn Đình Q1, sinh năm 1970.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Có 02 *(hai)* con chung tên là Nguyễn Cao Xuân N, sinh ngày 14/03/2001; Nguyễn Đình Q2, sinh ngày 07/5/2007; Hiện nay cháu Q2 đang sống với chị T và anh Q1. Ly hôn, chị T và anh Q1 thống nhất giao cháu Q2 cho anh Q1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Cao Xuân N đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị Cao Thị Xuân T và anh Nguyễn Đình Q1 tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, chị Cao Thị Xuân T và anh Nguyễn Đình Q1 không có nợ cá nhân, cơ quan tổ chức nào cũng như không có ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng số tiền 5.034.000 đồng *(năm triệu không trăm ba mươi bốn nghìn đồng)*. Ly hôn, chị T và anh Q1 thống nhất chia mỗi người ½ chi phí nêu trên, cụ thể mỗi người phải nộp 2.517.000 đồng *(hai triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng)*. Chị T đã nộp tạm ứng số tiền 5.034.000 đồng *(năm triệu không trăm ba mươi bốn nghìn đồng)* nên anh Q1 phải giao lại cho chị T số tiền 2.517.000 đồng (*hai triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng)* (đã giao nhận xong).

Về án phí: Chị Cao Thị Xuân T tự nguyện chịu 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007621 ngày 06/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên nên hoàn lại cho chị T số tiền 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- Các đương sự;
- UBND phường …, Tp T;
- *(Số 19/2000)*
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Tân Sang